

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /2013/TT-BCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên mạng thông tin điện tử www.moitruongcongthuong.vn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các đối tượng sau:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế; công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước; Tổng công ty cổ phần thuộc Bộ Công Thương quản lý (sau đây gọi là doanh nghiệp cấp I).

2. Tổng công ty thuộc tập đoàn kinh tế do Bộ Công Thương quản lý (sau đây gọi là doanh nghiệp cấp II).

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn nhà nước do doanh nghiệp

cấp I, doanh nghiệp cấp II làm đại diện chủ sở hữu vốn (sau đây gọi là doanh nghiệp III).

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường.
5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương* (sau đây gọi tắt là cơ sở dữ liệu môi trường) là tập hợp toàn bộ các dữ liệu về môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và các dữ liệu về môi trường khác có liên quan trên mạng thông tin điện tử www.moitruongcongthuong.vn (trang thông tin điện tử về cơ sở dữ liệu môi trường).

2. *Khai báo cơ sở dữ liệu môi trường* là quá trình xử lý, đánh giá và số hóa các dữ liệu môi trường vào cơ sở dữ liệu môi trường.

3. *Quản lý cơ sở dữ liệu môi trường* là các hoạt động nhằm đảm bảo sự vận hành an toàn và ổn định của cơ sở dữ liệu môi trường trên mạng thông tin điện tử và các hoạt động khác giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của Thông tư này.

4. *Sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường* là việc khai thác các dữ liệu môi trường trong cơ sở dữ liệu môi trường của các tổ chức, cá nhân nhằm phục vụ công tác quản lý, báo cáo về bảo vệ môi trường.

Chương II

KHAI BÁO, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Đăng ký tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường

Việc đăng ký tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường được thực hiện như sau:

1. Đề nghị cấp tài khoản truy cập:

a) Các doanh nghiệp cấp II tổng hợp danh sách các doanh nghiệp cấp III thuộc phạm vi quản lý và đề nghị doanh nghiệp cấp I tổng hợp vào danh sách chung của doanh nghiệp cấp I;

b) Doanh nghiệp cấp I tổng hợp danh sách các doanh nghiệp cấp II và doanh nghiệp cấp III thuộc phạm vi quản lý và đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường cấp tài khoản truy cập cho các đối tượng này.

Mẫu đề nghị cấp tài khoản truy cập tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cấp tài khoản truy cập

Việc cấp tài khoản truy cập được thực hiện theo các bước sau:

a) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường tiến hành tạo lập tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường cho các đối tượng theo văn bản đề nghị của các doanh nghiệp cấp I; Thông báo cho doanh nghiệp cấp I danh sách tài khoản truy cập đã tạo lập;

b) Doanh nghiệp cấp I thông báo cho doanh nghiệp cấp II và doanh nghiệp cấp III thuộc phạm vi quản lý về danh sách tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường;

c) Các doanh nghiệp cấp I, II, III truy cập lần đầu vào cơ sở dữ liệu môi trường và thay đổi mật khẩu truy cập để bảo vệ tài khoản truy cập đã được cấp.

3. Doanh nghiệp có nhu cầu thay đổi hoặc đăng ký lại tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường thực hiện như quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Các tổ chức, cá nhân tại khoản 5 Điều 2 Thông tư này có nhu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường phải gửi đề nghị đến cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường để xem xét cấp tài khoản truy cập.

Điều 5. Khai báo cơ sở dữ liệu môi trường

1. Dữ liệu môi trường do doanh nghiệp cấp III khai báo:

a) Dữ liệu về các thông tin chung của doanh nghiệp;

b) Dữ liệu về các giấy phép môi trường của doanh nghiệp (bao gồm: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường; giấy chứng nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và các giấy phép khác);

c) Dữ liệu về tình hình sử dụng nguyên, nhiên liệu và năng lượng;

d) Dữ liệu về nguồn thải, lượng thải và tình hình quản lý, xử lý chất thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung);

đ) Dữ liệu về kết quả quan trắc môi trường định kỳ do doanh nghiệp thực hiện.

2. Dữ liệu môi trường do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường khai báo:

a) Dữ liệu về tình hình xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc Bộ Công Thương quản lý;

b) Dữ liệu về kết quả kiểm tra và giám sát môi trường hàng năm;

c) Các dữ liệu khác để duy trì và nâng cấp cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Việc khai báo cơ sở dữ liệu môi trường hàng năm của các đối tượng tại khoản 1, 2 Điều này được hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

4. Tại trang chủ của mạng thông tin điện tử về cơ sở dữ liệu môi trường có “Tài liệu hướng dẫn sử dụng” được dùng để hỗ trợ các đối tượng thực hiện khai báo dữ liệu môi trường theo quy định của Thông tư này.

Điều 6. Quản lý cơ sở dữ liệu môi trường

1. Nội dung quản lý cơ sở dữ liệu môi trường bao gồm:

a) Duy trì vận hành ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường trên mạng thông tin điện tử;

b) Cấp tài khoản truy cập và phân quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân;

c) Nâng cấp hệ thống, lưu giữ và đảm bảo an toàn của các dữ liệu trong cơ sở dữ liệu môi trường;

d) Kiểm tra, đánh giá những dữ liệu môi trường do doanh nghiệp khai báo;

đ) Các hoạt động quản lý khác có liên quan.

2. Hàng năm, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung quản lý cơ sở dữ liệu môi trường.

Điều 7. Sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường

1. Việc sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường được thực hiện theo phân quyền của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường:

a) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường được phân quyền sử dụng toàn bộ các dữ liệu, thông tin trong cơ sở dữ liệu môi trường;

b) Doanh nghiệp cấp I được phân quyền sử dụng dữ liệu môi trường do các doanh nghiệp cấp III thuộc phạm vi quản lý khai báo;

c) Doanh nghiệp cấp II được phân quyền sử dụng dữ liệu môi trường do các doanh nghiệp cấp III thuộc phạm vi quản lý khai báo;

d) Doanh nghiệp cấp III được phân quyền sử dụng dữ liệu môi trường do mình khai báo;

đ) Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư này được sử dụng dữ liệu môi trường trong phạm vi do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường quyết định.

2. Các đối tượng tại mục a, b, c, d khoản 1 Điều này được sử dụng các dữ liệu môi trường trong phạm vi được phân quyền để thực hiện báo cáo môi trường định kỳ và các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Báo cáo môi trường định kỳ được thiết lập trong thư mục “Báo cáo” - Trang thông tin điện tử của cơ sở dữ liệu môi trường.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp cấp I có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc khai báo cơ sở dữ liệu môi trường của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Doanh nghiệp cấp II có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc khai báo cơ sở dữ liệu môi trường của các doanh nghiệp cấp III thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với doanh nghiệp cấp I và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các quy định của Thông tư này.

3. Doanh nghiệp cấp III có trách nhiệm thực hiện khai báo cơ sở dữ liệu theo khoản 1 Điều 5 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các dữ liệu do mình khai báo.

4. Các doanh nghiệp cấp I, II, III có trách nhiệm bảo vệ tài khoản truy cập đã được cấp, không để các đối tượng không có thẩm quyền sử dụng tài khoản truy cập của mình để truy cập vào cơ sở dữ liệu môi trường.

5. Việc hoàn thành trách nhiệm của doanh nghiệp cấp I, II, III quy định tại Thông tư này là căn cứ để cơ quan thẩm quyền xem xét thi đua khen thưởng và xử lý trách nhiệm theo quy định hiện hành.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường

1. Thực hiện khai báo dữ liệu môi trường theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các dữ liệu do mình khai báo.

2. Tạo lập tài khoản truy cập và phân quyền sử dụng cho các đối tượng; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc khai báo của các doanh nghiệp; tổ chức thực hiện các nội dung quản lý cơ sở dữ liệu môi trường.

3. Cung cấp dữ liệu môi trường cho cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác

1. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường duy trì vận hành ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường trên mạng thông tin điện tử.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm sử dụng dữ liệu môi trường trong phạm vi được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường phân quyền, bảo vệ tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường được cấp.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường.

2. Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin; Tổng giám đốc các Tập đoàn, Tổng công ty thuộc Bộ Công Thương quản lý; Tổng giám đốc các Tổng công ty thuộc Tập đoàn; Tổng giám đốc, Giám đốc các Công ty con, Công ty thành viên, Công ty liên kết thuộc Tập đoàn, Tổng công ty và Thủ trưởng các tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2013.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để sửa đổi, bổ sung Thông tư cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ: TN&MT; KHĐT; TC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương;
- Các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, ATMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Lê Dương Quang

PHỤ LỤC
Mẫu văn bản đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở
dữ liệu môi trường ngành công thương

(Kèm theo Thông tư số 22 /2013/TT-BCT ngày 14 tháng 10 năm 2013 của
Bộ Công Thương)

 (1)
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Thông tư số /2013/TT-BCT ngày tháng năm 2013 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (Danh sách kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2013/TT-BCT, (1) đề nghị Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp tài khoản truy cập cho các doanh nghiệp nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

DANH SÁCH

Các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của (1)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp		
		100%	> 50%	≤ 50%
I	Khối công ty do (1) góp vốn điều lệ hay cổ phần			
1	Công ty ...			
...	Công ty ...			
II	Khối công ty do Tổng công ty thuộc Tập đoàn góp vốn điều lệ hay cổ phần			
II.1	Tổng công ty ...			
1	Công ty ...			
...	Công ty ...			
II...	Tổng công ty ...			
1	Công ty ...			
...	Công ty ...			

Ghi chú: (1) tên Tập đoàn, Tổng công ty; (2) người đại diện pháp luật của (1).